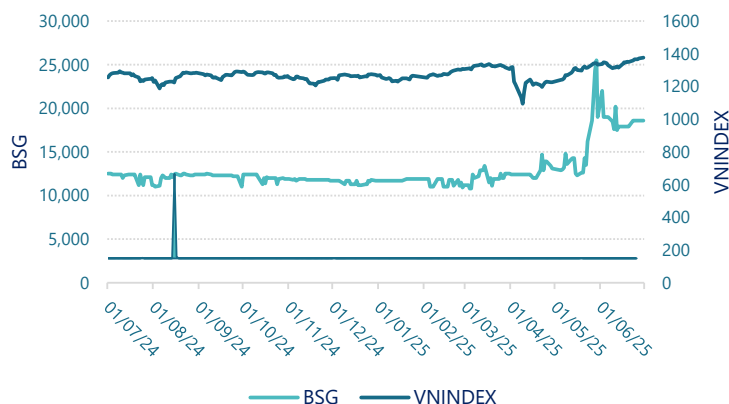


CTCP Xe khách Sài Gòn (UPCOM: BSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,315
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,116
P/E	34.7
EPS	535

DT thuần

Q2/25

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 4.5%

YoY: ▼55.0 | -32.2%

LN sau thuế

Q2/25

8.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.95 | 463%

YoY: ▼4.55 | -35.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.3%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

6T 2025

227

tỷ VNĐ

YoY: ▼92.0 | -28.7%

LN sau thuế

6T 2025

9.95

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.8 | -56.2%

ROE

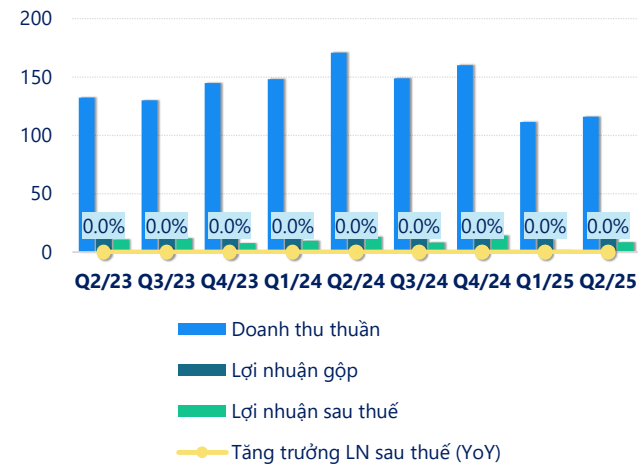
Q2/25

8.7%

+/- YoY: ▼ 3.9%

tỷ VNĐ

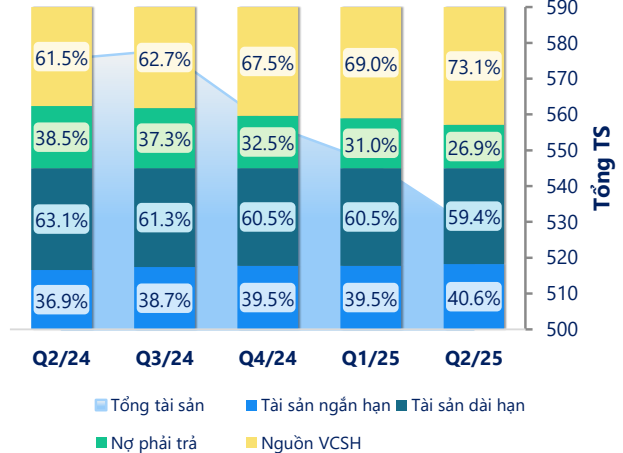
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

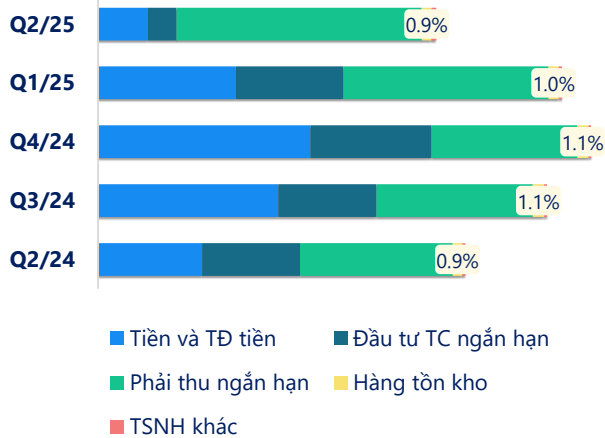
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



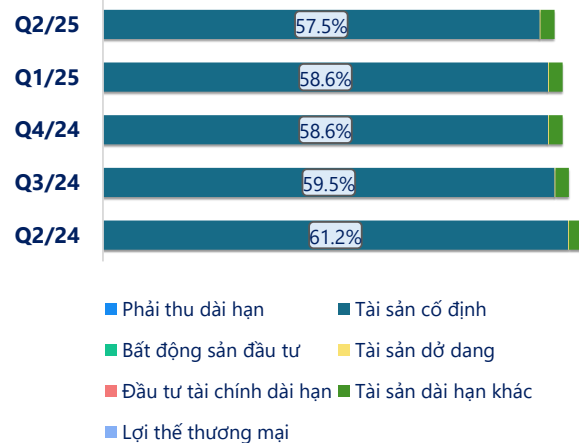
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

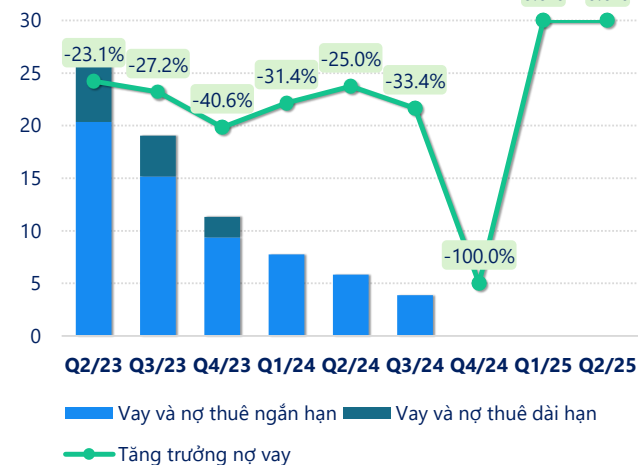
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

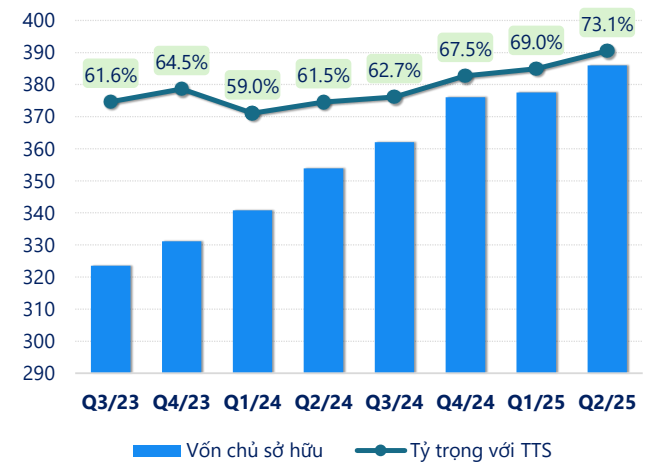
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

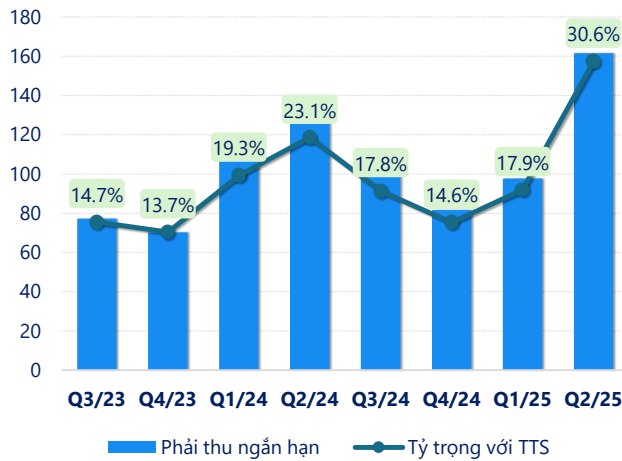
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



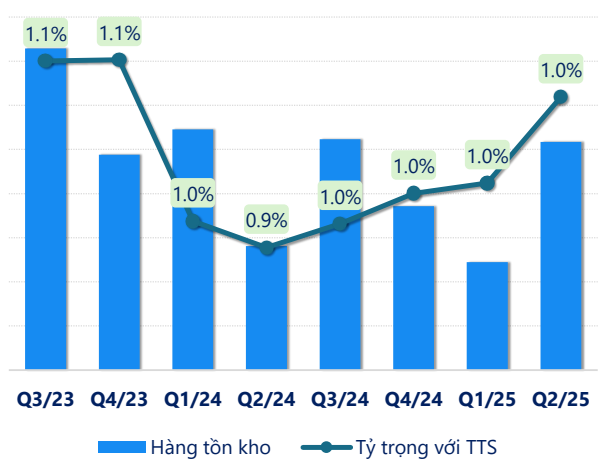
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


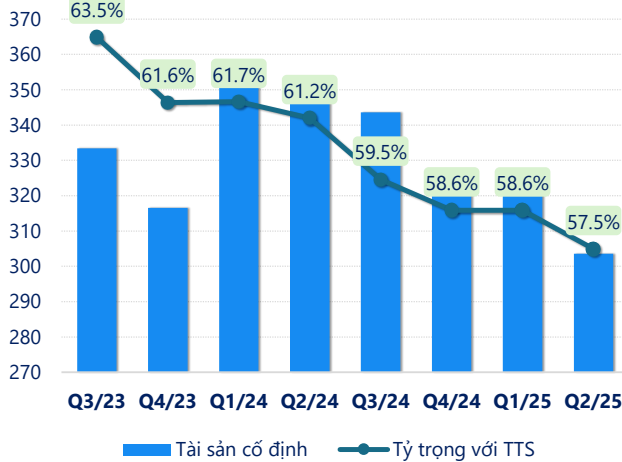
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


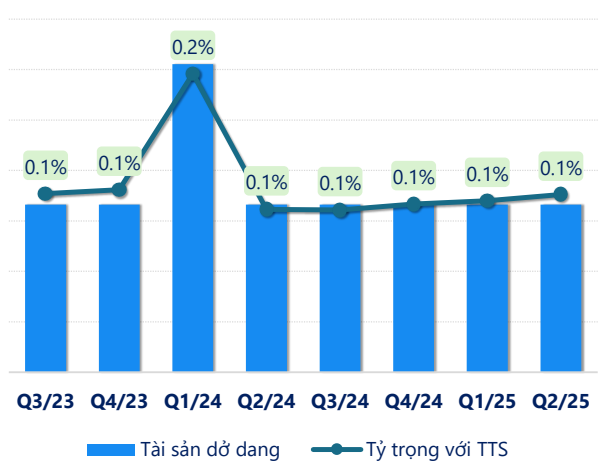
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

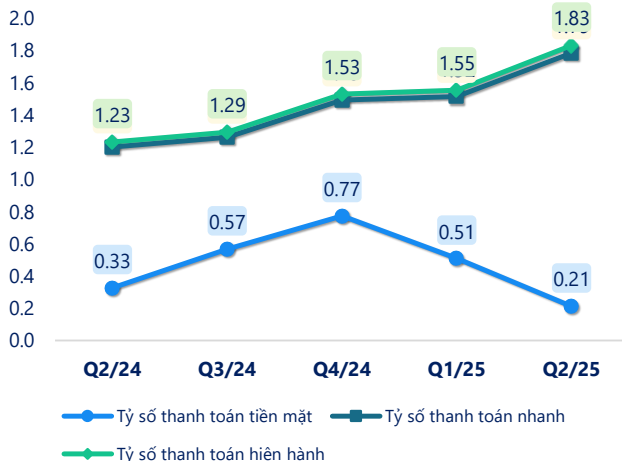
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

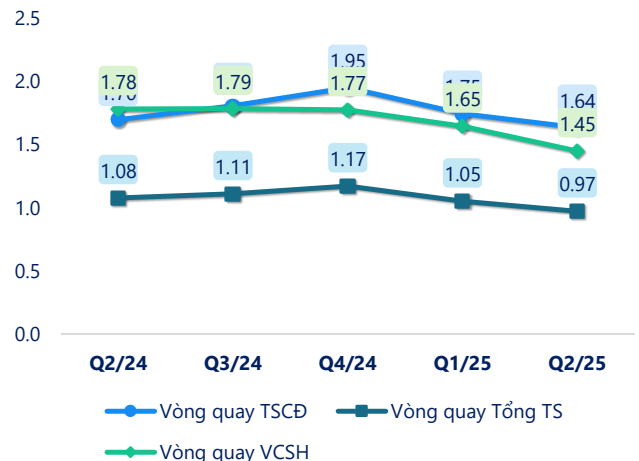
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	575	578	557	547	528
Tài sản ngắn hạn	212	223	220	216	214
Tiền và tương đương tiền	56.2	97.9	111	70.8	24.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.5	15.5	20.7	40.7	20.5
Phải thu ngắn hạn	133	103	81.5	97.6	162
Hàng tồn kho	5.39	5.51	5.44	5.37	5.51
Tài sản ngắn hạn khác	2.46	1.82	1.22	1.45	1.85
Tài sản dài hạn	363	354	337	331	314
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	352	344	327	320	304
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.66	0.66	0.66	0.66	0.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.4	10.2	10.0	9.81	9.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	222	216	181	169	142
Nợ ngắn hạn	172	173	144	139	117
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.82	3.88	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	101	88.1	70.4	80.0	68.6
Nợ dài hạn	49.4	43.2	37.6	30.3	25.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	354	362	376	378	386
Vốn chủ sở hữu	354	362	376	378	386
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)